

Chương 1

Câu 1. Chủ nghĩa xã hội là gì? Nội dung của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác là gì? Những giá trị và hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác?

**Chủ nghĩa xã hội: được hiểu theo 4 nghĩa*

CNXH là về những trào lưu tư tưởng, lý luận, học thuyết phản ánh :

Thứ nhất, phản ánh về những nhu cầu, nguyện vọng của các giai cấp, tầng lớp lao động bị áp bức.

Thứ hai, phản ánh về con đường, cách thức và phương pháp đấu tranh nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi tư hữu, áp bức, bóc lột, xây dựng một xã hội mới tiến bộ, công bằng, bình đẳng.

CNXH là một chế độ xã hội hiện thực, một mô hình, một kiểu tổ chức xã hội theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua 3 lĩnh vực:

Về kinh tế: Có lực lượng sản xuất phát triển và quan hệ sản xuất tiến bộ

Về chính trị: nhà nước dân chủ, pháp quyền

Về văn hóa- xã hội: Đề cao giá trị con người, thực hiện công bằng, bình đẳng (Đó là các nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô, Đông Âu, Việt Nam, Trung Quốc...)

CNXH còn là một trong 3 bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác- Lê nin (Triết học, KTCT, CNXHKKH)

CNXH là học thuyết nghiên cứu về những điều kiện, con đường giải phóng GCCN và NDLD, dưới sự lãnh đạo của chính đảng macxit nhằm xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng xã hội mới – xã hội XHCN

** Nội dung tư tưởng XHCN trước Mác*

Thể hiện qua 3 giai đoạn cơ bản:

-Tư tưởng XHCN thời cổ đại: thể hiện bằng các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động đòi lại quyền dân chủ, chống áp bức, bất công, chống giai cấp thống trị (Xpactaquyt, Cleômen...)

-Tư tưởng XHCN thời trung đại: thể hiện bằng các câu chuyện kể, truyền thuyết tôn giáo không thành văn phản ánh ước mơ về quá khứ, về “ thời đại hoàng kim” của XH cộng sản nguyên thủy trước đó.

- Tư tưởng XHCN thời cận đại (đầu TK XVI – đầu TK XIX):

+ Thế kỷ XVI – XVII: thể hiện qua các câu chuyện kể, các áng văn chương viễn tưởng (Utopi của T.Morơ, Thành phố mặt trời của T.Campanella...)

+ Thế kỷ XVII: thể hiện ở dạng lý luận (Tuyên ngôn của những người bình dân của G.Babóp...)

+ Thế kỷ XIX: thể hiện ở dạng học thuyết phê phán (H. Xanhximông, S. Phuriê, R. Ôoen...)

***NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA KHOA HỌC TRƯỚC MÁC:**

Giá trị:

- Giá trị phê phán
- Giá trị phác thảo mô hình xã hội mới có tính chất XHCN
- Giá trị thức tỉnh quần chúng nhân dân đấu tranh chống áp bức bất công, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

Hạn chế:

- Chưa phát hiện ra quy luật vận động của xã hội loài người, nhất là của chủ nghĩa tư bản.
- Chưa phát hiện ra được lực lượng và biện pháp xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng xã hội mới.
- Nó khó có thể hoặc không thể áp dụng vào thực tiễn, do vậy gọi là CNXH không tưởng.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì? Những điều kiện nào cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?

Khái niệm:

- *Theo nghĩa rộng* : CNXHKKH là chủ nghĩa Mác – Lenin. Bởi vì, suy cho cùng cả triết học Mác lẫn kinh tế chính trị Mác đều luận giải dẫn đến tính tất yếu của lịch sử là làm cách mạng XHCN và xây dựng thành công xã hội CSCN. Lý luận xuyên suốt của CNXHKKH: giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công CNXH và xã hội CSCN.

-*Theo nghĩa hẹp* : CNXHKH là 1 trong 3 bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lenin, đó là “triết học”, “kinh tế chính trị” và “chủ nghĩa xã hội khoa học”. V.I.Lênin, khi viết tác phẩm “ Ba nguồn gốc và ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác”, đã khẳng định: “ Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỉ XIX, đó là triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp”.

Điều kiện ra đời:

***Điều kiện khách quan: đây là điều kiện cần**

Điều kiện kinh tế - xã hội : không chỉ đặt ra yêu cầu với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiến bộ- chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nền đại công nghiệp cơ khí phát triển mạnh mẽ làm phương thức sản xuất TBCN phát triển vượt bậc, tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn, đồ sộ hơn tất cả các thế hệ trước gộp lại chỉ trong một thế kỷ. Đại công nghiệp đã làm thay đổi PTSX TBCN về quy mô SX, năng suất lao động, kinh nghiệm quản lý, kinh tế thị trường. Điều kiện kinh tế đã tạo điều kiện vật chất kỹ thuật, kinh tế cho sự xuất hiện một XH mới cao hơn CNTB (CNXH).Mâu thuẫn giữa LLSX với QHSX ngày càng sâu sắc đòi hỏi phải giải quyết bằng CMXH.

- Cách mạng CN tạo ra sự ra đời của 2 giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích, nhưng nương tựa vào nhau: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Đặc biệt là phong trào công nhân dệt thành phố Li-on, nước Pháp diễn ra vào năm 1831 và năm 1834 đã có tính chất chính trị rõ nét. Sự phát triển nhanh chóng có tính chính trị công khai của phong trào công nhân đã minh chứng, lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách thức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động. Nguyên nhân thất bại của phong trào công nhân theo Mác - Ăngghen là thiếu lý luận khoa học, cách mạng. Hai ông đã xây dựng lý luận cho phong trào công nhân và gọi đó là lý luận CNXH khoa học.

Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

Tiền đề khoa học tự nhiên : ba phát minh vĩ đại là nền tảng cho phát triển tư duy lý luận: *Học thuyết Tiến hóa*; *Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng*; *Học thuyết tế bào*. Đó là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa

duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị- xã hội đương thời, khẳng định tính đúng đắn của CNDVBC và CNDVLS.

Tiền đề tư tưởng lý luận: khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Ph.Hêghen (1770 -1831) và L. Phoiơbắc (1804 - 1872); kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A.Smith (1723-1790) và D.Ricardo (1772-1823); chủ nghĩa không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanh Ximông (1760-1825), S.Phuriê (1772-1837) và R.Ô-en (1771-1858). Đây là 3 nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định: 1) Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng; 2) đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc;...; 3) chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dẫn thân trong thực tiễn của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, trong chừng mực, đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

Mặc dù còn nhiều hạn chế , tuy nhiên những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng- lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, loại bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học. Nó đã cung cấp tiền đề lý luận và tư tưởng trực tiếp đưa đến sự ra đời của CNXHKH.

***Điều kiện chủ quan : vai trò của Các Mác và Phriddrich Ăngghen, đây chính là điều kiện đủ.**

Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị:

Từ năm 1843 – 1844 hai ông hoạt động chung. Hai ông đã sớm nhận ra mặt tích cực và hạn chế trong triết học của V.Ph.Hêghen và L. Phoiobắc. Với triết học của V.Ph.Hêghen, tuy mang quan điểm duy tâm, nhưng chứa đựng “cái hạt nhân” hợp lý của phép biện chứng; còn đối với triết học của L.Phoiobắc, tuy mang nặng quan điểm siêu hình, song nội dung lại thấm nhuần quan niệm duy vật. C.Mác và Ph.Ăng ghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lý thuyết mới chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến 4/1844, thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu (1844)”, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa. Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”; “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ 1843 -1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc

chắn sẽ không có Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hai ông đã chuyển từ lập trường triết học duy tâm chuyển sang duy vật; Từ lập trường cách mạng dân chủ chuyển sang lập trường CSCN.

Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen: với sự uyên bác về trí tuệ, sự gắn bó chặt chẽ với phong trào công nhân và sự gắn kết lý luận với thực tiễn, 2 ông đã có 3 phát kiến vĩ đại:

Chủ nghĩa duy vật lịch sử: . Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

Học thuyết về giá trị thặng dư: 2 ông đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất của nó là “Học thuyết về giá trị thặng dư - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân: giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ ba, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội

không tương- phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị- xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học: đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản còn là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lô gic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học.

KHÁI QUÁT

****Điều kiện khách quan (slide 34-37 + giáo trình p7-10)***

- Điều kiện kinh tế:

+ Đầu thế kỷ XIX, cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở Anh, chuyển sang Pháp, Đức và làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới – nền đại công nghiệp.

+ Đại công nghiệp đã làm thay đổi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa về quy mô sản xuất, năng suất lao động, kinh nghiệm quản lý, kinh tế thị trường.

+Kết quả là : Thứ nhất, tạo điều kiện vật chất kỹ thuật, kinh tế cho sự xuất hiện một xã hội mới cao hơn chủ nghĩa tư bản – đó là chủ nghĩa xã hội. Thứ hai, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất ngày càng sâu sắc đòi hỏi phải giải quyết bằng các mạng xã hội.

-Điều kiện chính trị - xã hội:

+ Cách mạng công nghiệp làm xuất hiện một lực lượng xã hội mới – giai cấp công nhân (giai cấp vô sản).

+ Giai cấp vô sản bị bóc lột nặng nề, do vậy mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản gay gắt trong chủ nghĩa tư bản.

+ Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản ngày càng nhiều, nhưng đều có kết cục thất bại nặng nề.

+ Nguyên nhân thất bại của phong trào công nhân theo Mác- Ăngghen là thiếu lý luận khoa học, cách mạng.

+ Hai ông đã xây dựng lý luận cho phong trào công nhân và gọi đó là lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

-Điều kiện kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế: Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất càng sâu sắc dẫn đến khủng hoảng kinh tế và tình trạng công nhân thất nghiệp.

+ Về xã hội: Giai cấp công nhân công nghiệp tăng nhanh và bị bóc lột nặng nề, dẫn đến mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản gay gắt. Việc này làm xuất hiện phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.

-Tiền đề tư tưởng – văn hóa:

+ Tiền đề khoa học tự nhiên: những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạnh: “Thuyết tế bào”, “Thuyết tiến hóa”, “Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng”. Những phát minh này khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, làm cơ sở lý luận và phương pháp cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Tiền đề khoa học xã hội: có những thành tựu đáng ghi nhận như “Triết học cổ điển Đức”, “Kinh tế chính trị học cổ điển Anh”, và những tư tưởng Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán Pháp Anh. Những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã cung cấp tiền đề lý luận và tư tưởng trực tiếp đã đưa đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và đồng thời là ba nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Điều kiện chủ quan nào cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?(Slide 39-43)

-Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị: từ năm 1843- 1844 hai ông hoạt động chung. Vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học C.Mác và Ph.Awngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị từng bước được củng cố, dứt khoát kiên định, nhất quán, cụ thể như sau:

+ Từ lập trường triết học duy tâm chuyển sang duy vật

+ Từ lập trường cách mạng dân chủ chuyển sang lập trường cộng sản chủ nghĩa

-Ba phát hiện vĩ đại: Ba phát kiến của C.Mác và Ăngghen: Chủ nghĩa duy vật về lịch sử (dựa trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và loại bỏ quan điểm duy tâm của Triết học Ph.Hêghen; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học L.Phoiobắc); Học thuyết giá trị thặng dư (từ việc phát hiện ra CNDV đã nghiên cứu ra giá trị to lớn là “Học thuyết về giá trị thặng dư” khẳng định sự diệt vong không tránh khỏi của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH); Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (chỉ ra rõ giai cấp công nhân là giai cấp lật đổ CNTB)

Cả 3 phát hiện điều luận giải một vấn đề chung là sự sụp đổ tất yếu của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH.

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của C.Mác và Ăngghen đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là cương lĩnh chính trị, kim chỉ nam hành động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản...

3. Vai trò của Lenin trong việc bảo vệ, phát triển và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học là gì? 14 15 16 GT

V.I.Lenin (1870 – 1924) là người đã kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen . Ông đã biến cnxh từ khoa học từ lí luận thành hiện thực, được đánh giá bằng sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầu tiên trên thế giới – Nhà nước Xô viết, năm 1917.

Những đóng góp to lớn của V.I.Lenin trong sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua 2 giai đoạn.

Thời kì trước cách mạng Tháng Mười Nga

Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào Nga.

Kế thừa những di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính Đảng, V.I.Lenin đã xây dựng lý luận về chính đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của Đảng.

V.I.Lenin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cm xh; những vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và Liên minh của giai cấp công nhân với nông nhân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc...

V.I.Lenin phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kì chủ nghĩa đế quốc và đi đến kết luận: cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền chủ nghĩa tư bản.

V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; phân tích mối hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản.

Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

Thời kì sau CM Tháng Mười Nga (Phân ra từng lĩnh vực như Chi)

Chuyên chính vô sản, theo Lênin, là một hình thức nhà nước mới – nhà nước dân chủ. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động cũng như các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về thời kì quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản: Phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chung qui chỉ là bạo lực. V.I.Lênin đã nêu rõ: chuyên chính vô sản là một đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

Về chế độ dân chủ: V.I.Lênin khẳng định: chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ tư xã hội chủ nghĩa, không có dân chủ thuần túy hay dân hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần.

Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước sau khi đã bước vào thời kì xây dựng xã hội mới, V.I.Lênin cho rằng, trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cm đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có bộ máy nhà nước phải tinh, gọn, không hành chính, quan liêu.

Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học ở nước Nga: Cần có những bước quá độ nhỏ trong thời kì quá độ nói chung lên chủ nghĩa xã hội; giữ vững chính quyền Xô viết thực hiện điện khí hóa toàn quốc; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; thực hiện cách mạng văn hóa.

Câu 4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu và học tập chủ nghĩa xã hội khoa học là gì?

-Về mặt lý luận:

+ Trang bị nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình phát triển tất yếu dẫn đến sự hình thành phát triển hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa

+ Định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa

+ Có căn cứ khoa học để chống lại nhận thức sai lệch

-Về mặt thực tiễn:

+ Có ý nghĩa chính trị cấp bách

+ Giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 2

Câu 1. Giai cấp công nhân là gì? Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân?

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Đặc điểm

- GCCN ra đời gắn liền với sự phát triển của đại công nghiệp, nó là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp và lớn lên cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp đó. Sự phát triển của đại công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành một tập đoàn xã hội rộng lớn, thành giai cấp vô sản hiện đại.

- Yêu cầu của sản xuất công nghiệp đòi hỏi phải ứng dụng nhanh những thành tựu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào quá trình sản xuất, làm cho trình độ của công cụ sản xuất ngày càng hiện đại và tất yếu thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mang trình độ xã hội hoá ngày càng cao.

-Giai cấp công nhân là chủ thể của quá trình sx vật chất hiện đại. Sau CM vô sản thành công, GCCN trở thành giai cấp cầm quyền. Nó không còn ở vào địa vị bị áp bức, bị bóc lột nữa, mà trở thành giai cấp thống trị, lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới. GCCN cùng với toàn thể NDLD làm chủ TLSX chủ yếu đã công hữu hóa. Như vậy, họ không còn là những người vô sản như trước và sản phẩm thặng dư do họ tạo ra là nguồn gốc cho sự giàu có và phát triển của xã hội XHCN.

-Giai cấp công nhân đại biểu chung cho lợi ích xã hội do GCCN là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu, khi nào thực hiện được lợi ích chung của xã hội, họ mới tìm thấy lợi ích chân chính của mình . GCCN có tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp do môi trường làm việc của giai cấp công nhân là sản xuất tập trung cao và có trình độ kỹ thuật ngày càng hiện đại, có cơ cấu tổ chức ngày càng chặt chẽ, làm việc theo dây chuyền buộc giai cấp công nhân phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động.

-GCCN thông qua quá trình CNH và thực hiện “ một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tang NSLD và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý, phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- GCCN là giai cấp có tinh thần CM triệt để. GCCN dưới sự lãnh đạo của ĐCS tiến hành CM chính trị để lật đổ GC thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay GCCN và NDLD.

- GCCN thiết lập nhà nước kiểu mới, sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ để cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới và thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ XH, theo lý tưởng và mục tiêu của CNXH.

-GCCN tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

Câu 2. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Điều kiện nào quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là thông qua đội tiên phong là Đảng công sản, giai cấp công nhân tổ chức lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội khỏi áp bức, bóc lột, xóa bỏ các chế độ áp bức, bóc lột, bất công, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

PHÂN TÍCH CỤ THỂ TỪNG NỘI DUNG

- Nội dung kinh tế: GCCN là lực lượng sản xuất cơ bản, chủ yếu sản xuất ra của cải cho xã hội chủ nghĩa. Họ phát triển nhanh về số lượng cùng nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chất lượng cùng với nhiệm vụ trí thức hóa. Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.
- Nội dung chính trị: Dưới sự lãnh đạo của ĐCS, GCCN tiến hành đấu tranh giành chính quyền, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thông qua vai trò ĐCS xây dựng xã hội tiến bộ.
Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực làm chủ của nhân dân quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động, ban hành hiến pháp, bộ luật thể hiện chính sách tốt đẹp.
- Nội dung văn hóa – xã hội: Dưới sự lãnh đạo của ĐCS, GCCN xây dựng nền văn hóa, con người mới với tư tưởng, đạo đức XHCN mới mẻ, tiến bộ. Giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do

Điều kiện

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

- Thứ nhất là do địa vị kinh tế của GCCN quy định: giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến của thời đại, là lực lượng sản xuất hiện đại, cho nên đã tạo ra của cải vật chất chủ yếu cho XH. Lợi ích của GCCN về cơ bản thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động. Giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình và cũng là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức, lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.
- Tiếp theo là do địa vị chính trị - xã hội của GCCN quy định: là một giai cấp tiên tiến: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết các giai cấp, các lực lượng xã hội trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội. Họ có hệ tư tưởng riêng tiến bộ đó là hệ tư tưởng của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Họ có tinh thần cách mạng triệt để, giải quyết mọi quan hệ đối kháng thông qua cách mạng xã hội, không thỏa hiệp. Họ là giai cấp cách mạng. Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử.
- Cuối cùng là vì nhu cầu giải quyết mâu thuẫn trong CNTB: lực lượng sản xuất phát triển ngày càng cao tuy nhiên QHSX tư hữu không tiến bộ, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản. Giải quyết mâu thuẫn cơ bản về kinh tế và chính trị trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chính là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đó là tính quy định khách quan, yêu cầu khách quan của sự vận động, phát triển của lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Họ là giai cấp sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, nhưng trong chủ nghĩa tư bản họ lại không có sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề, lợi ích cơ bản của họ đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.

**Điều kiện chủ quan quy định SMLS của GCCN:*

- Sự phát triển của bản thân GCCN về số lượng và chất lượng do sự phát triển của tri thức nhân loại và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa: giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ. Tự bản thân giai cấp công nhân thỏa mãn điều kiện số lượng và chất lượng phát triển với xu hướng ngày càng cao. MXu thế của Việt Nam ta cũng vậy muốn thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu thì phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được nêu lên từ đại hội III năm 1960. Về số lượng, đối

với các nước có sự tương quan giữa số lượng công nhân ngày càng cao thì tổng sản phẩm xã hội ngày càng cao đó là các quốc gia công nghiệp phát triển; Về chất lượng, cùng với quá trình công nghiệp hóa công nhân được tri thức hóa.

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để GCCN thực hiện thắng lợi SMLS : Với vai trò đề ra cương lĩnh đường lối tổ chức để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, thể hiện sự trưởng thành của gccn. Đảng là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội; liên hệ mật thiết với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội. Đảng chỉ gồm những người ưu tú giác ngộ lý luận, kiên quyết cách mạng và có thể lãnh đạo giai cấp do cao hơn giai cấp về giác ngộ lý luận, trí tuệ , phẩm chất và sự hi sinh vì giai cấp. Chỉ có Đảng mới đủ sức lãnh tụ chính trị, làm cho GCCN trở thành tự giác, hiểu rõ và biết thực hiện sứ mệnh lịch sử, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

- Xây dựng được khối liên minh giai cấp giữa GCCN với GC nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo, xuất phát từ việc có lợi ích cơ bản tương đồng với các tầng lớp giai cấp khác.

Câu 3. Vì sao nói Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử?

Đảng Cộng sản – nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử

***Mối quan hệ giữa Đảng Cộng Sản và GCCN**

- Trong lịch sử chưa có giai cấp nào giành được địa vị thống trị, giữ vai trò lãnh đạo xã hội mà không tạo ra được trong hàng ngũ của mình một đảng chính trị, lực lượng tiên phong để lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh. Trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, chừng nào và chỉ khi nào giai cấp công nhân tự tổ chức ra chính đảng của mình để lãnh đạo cuộc đấu tranh thì mới đảm bảo giành được thắng lợi trọn vẹn, hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình. Nếu không có chính đảng lãnh đạo, giai cấp công nhân chỉ có thể đấu tranh tự phát , đấu tranh vì mục đích kinh tế, chứ không phải là cuộc đấu tranh tự giác, đấu tranh vì mục đích chính trị. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

- Đảng Cộng sản ra đời là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân:

+ Sự kết hợp giữa lý luận cách mạng khoa học và phong trào công nhân, trước hết là một quá trình tất yếu của việc thành lập Đảng. Từ giai cấp công nhân, đã xuất hiện đội tiên phong của mình, những phần tử tiên tiến ngày tập hợp thành tổ chức chính trị, thành ĐCS. Chính Mác và Ăngghen đã sáng lập ra học thuyết CMKH, nêu lên tính cần thiết của sự kết hợp giữa CNXH và phong trào công nhân; và đặt nhiệm vụ cho các chiến sĩ xã hội phải tổ chức cuộc đấu tranh GCVS.

+ Từ khi xuất hiện trên vũ đài, Đảng Cộng sản như đội tiên phong của GCCN và chủ nghĩa Mác Leenin là nền tảng tư tưởng của Đảng.

- GCCN là cơ sở xã hội quan trọng nhất của Đảng: giữa Đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ, không thể tách rời.

- Những đảng viên của ĐCS là người ưu tú, giác ngộ về SMLS của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

- Sự lãnh đạo của Đảng chính là sự lãnh đạo của giai cấp: Đảng với giai cấp là thống nhất nhưng Đảng có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo cả giai cấp dân tộc. Đảng hi sinh, đem lại giác ngộ cho toàn bộ giai cấp, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành động cách mạng của toàn bộ giai cấp, trên cơ sở đó lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của Đảng nhằm hoàn thành SMLS của mình.

***Vai trò của Đảng (Chi , phải phân tích ra ko dc giống slide)**

- ĐCS là lãnh tụ chính trị: làm cho GCCN trở thành tự giác – hiểu rõ và biết thực hiện SMLS.

- ĐCS là bộ tham mưu giai cấp: vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng đắn; giác ngộ giai cấp tạo sự thống nhất về tư tưởng; tổ chức để tạo nên sức mạnh thống nhất, liên kết hành động... cho cả giai cấp

- Là đội tiên phong đấu tranh : đi đầu trong đấu tranh, tiên phong về trí tuệ, gương mẫu trong cuộc sống.

Câu 4. Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân hiện nay?

***Điểm tương đồng:**

- Vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại: Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Lực lượng lao động bằng phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối ở những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế, đó là những nước công nghiệp phát triển...

- GCCN vẫn bị GCTS và CNTB bóc lột nặng nề giá trị thặng dư : Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại.
- Thực tế đó cho thấy, xung đột về lợi ích cơ bản giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân (giữa tư bản và lao động) vẫn tồn tại, vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay.
- Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

***Điểm khác biệt:**

- Do cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Trí thức hóa và trí tuệ hóa công nhân là hai mặt của một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và GCCN. Năng xuất lao động phụ thuộc chủ yếu vào công nghệ, tri thức, tay nghề của người lao động. Nền xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng cả về tri thức và kỹ năng nghề nghiệp. Theo đó, tốc độ “trí thức hóa” công nhân đang diễn ra khá nhanh và công nhân trí thức đã dần chiếm tỷ lệ cao - tới 40% trong tổng số lao động xã hội ở các nước phát triển. Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy là hao phí sức lực cơ bắp.
- GCCN tham gia vào sở hữu, xu hướng trung lưu hóa. Cùng với nhu cầu về vật chất, nhu cầu về tinh thần và văn hóa tinh thần của công nhân ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.
- Biểu hiện mới về xã hội hóa lao động : trong nền sản xuất hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và công nghệ cao, đã xuất hiện những hình thức liên kết mới, những mô hình về kiểu lao động mới . Tính chất xã hội hóa của lao động hiện đại ngày càng được mở rộng và nâng cao. Lực lượng sản xuất hiện đại đã vượt ra khỏi phạm vi quốc gia – dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành lực lượng sản xuất của thế giới toàn cầu. Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp thế hệ mới, công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại
- Ở một số nước XHCN, GCCN đã trở thành giai cấp lãnh đạo thông qua đội tiên phong là ĐCS.
- Với khả năng làm chủ công nghệ và năng lực sáng tạo, trở thành nguồn lực cơ bản, nguồn vốn quan trọng nhất trong các nguồn vốn của xã hội hiện đại.

- Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo
- Là một động lực cơ bản cho việc gia tăng năng suất lao động và cạnh tranh toàn cầu hóa, yếu tố quan trọng trong quá trình phát minh, sáng kiến và tạo ra của cải xã hội.

Câu 5. Trình bày đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam? Vì sao nói chỉ có giai cấp công nhân Việt Nam mới đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

*** Đặc điểm ra đời của GCCN VN (Chỉ chia làm 2 ý)**

Giai cấp công nhân Việt Nam là sản phẩm của một quá trình công nghiệp hóa đặc biệt:

- Ra đời trước giai cấp tư sản vào thế kỉ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì nó sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.
- GCCN là lực lượng CT tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp, giành độc lập chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc ta với thực dân Pháp.
- Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.
- Giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị của giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, tức là giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời.
- Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích, cùng chung nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do, để giải phóng dân tộc và phát triển dân tộc Việt Nam, hướng đích tới chủ nghĩa xã hội nên giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội

{}{}{} * Điểm biến đổi của GCCN VN hiện nay

-Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

**Thực trạng GCCN VN Hiện nay và các vấn đề đặc ra*

-Là lực lượng sản xuất hàng đầu của Việt Nam song chưa chiếm đa số trong dân cư và lao động

-Phân hóa khá sâu sắc (2 chiều) trong kinh tế thị trường , hội nhập quốc tế

-Trình độ văn hóa, tay nghề, công nghệ... chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa

-Giác ngộ chính trị chưa đồng đều, một bộ phận chưa ngang tầm với vị trí tiên phong

-Đào tạo và sử dụng công nhân nhiều bất cập

-Việc làm và đời sống của công nhân còn khó khăn

-Nhiều tổ chức chính trị- xã hội của công nhân còn yếu

-Một bộ phận giới tự chủ trong các doanh nghiệp FDI, tư nhân.. thể hiện ‘mặt đối lập’ với công nhân

-Một bộ phận công nhân trong các tư nhân, nước ngoài đang bị bóc lột khá nặng nề, bóc lột tâm lý làm thuê, nô lệ, sự cạnh tranh, nỗi thất vọng, sự vùng dậy... lao động của họ đang bị tha hóa

-Nguy cơ ‘ 4 hóa’ của một bộ phận công nghiệp (công đoàn Trung Quốc) sẽ là hiện thực : làm thuê hóa, bán rẻ hóa, vô quyền hóa, phân tán hóa } } } }

Câu. *Vì sao nói chỉ có GCCN VN mới đủ sức lãnh đạo CMVN?

- Ở VN cuối TK XIX đầu TK XX có 5 tầng lớp như sau:

+ Địa chủ: về địa vị kinh tế, đây là một giai cấp giàu chuyên kinh doanh ruộng đất; bóc lột địa tô; sở hữu tư liệu sản xuất của xã hội(hơn 50% ruộng đất, công cụ) dù chỉ chiếm khoảng 5% dân số. Địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước nhưng không triệt để cách mạng.

+ Nông dân: về địa vị kinh tế, giai cấp này chiếm hơn 90% dân số Việt Nam trong thời kỳ đó, chiếm số lượng đông đảo ; bị bóc lột nặng nề và bị bần cùng hóa; chia ra các tầng lớp: trung nông thì sở hữu tư liệu sản xuất nhiều hơn, thuê mướn thêm lao động; bán nông thì sở hữu tư liệu sản xuất ít hơn và phải làm thuê cho trung nông; cố nông không còn tư liệu sản xuất, phải cầm cố chính bản thân mình, không có một tấc đất, bị chèn ép... Đặc biệt giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng độc lập, cũng không triệt để tư tưởng cách mạng.

+ Tri thức tiểu tư sản: về địa vị kinh tế, là giai cấp hiểu biết rộng, nắm bắt và nhạy cảm với thời cuộc với những tư tưởng tiến bộ, mong muốn được tự do, công bằng. Tuy vậy, họ lại dễ dàng thỏa hiệp, cải lương, chỉ đòi những quyền lợi mà họ cần, họ không đặt ra mục tiêu thay đổi chế độ, có hệ tư tưởng không cố định: có thể vô sản, có thể tư sản ;không triệt để tư tưởng cách mạng.

+ Tư sản dân tộc : là một lực lượng nhỏ yếu, bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa chèn ép, cũng là giai cấp có tinh thần yêu nước nhưng tư tưởng cách mạng chưa triệt để.

+ Công nhân: là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại, là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến của thời đại, họ vẫn bị gia cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư, GCCN có mâu thuẫn và xung đột lợi ích với GCTS, là lực lượng đi đầu trong đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Tinh thần kỷ luật, sự hợp tác, có chủ thuyết Mac-Lê nin làm kim chỉ nam cho hành động....Riêng: Có mối quan hệ mật thiết, ruột thịt với nông dân; sớm giác ngộ tư tưởng cm, chủ nghĩa Mac-Lê nin

Đây là giai cấp có số lượng ngày càng đông, bần cùng hóa và bị bóc lột nặng nề; sản phẩm của quá trình công nghiệp hóa đặc biệt; ra đời từ quá trình “ khai thác thuộc địa” của thực dân Pháp; phát triển trong một nước NN lạc hậu, công nghiệp hóa muộn, cơ sở KT-KT ít và lạc hậu, CN còn thấp và thiếu CN hiện đại....Giai cấp phải trải qua chiến tranh dài. Nhưng đây là giai cấp có thái độ chính trị đúng đắn: sớm tiếp thu CN Mác Leenin, có Đảng và có lãnh tụ sáng suốt; vững vàng về chính trị, tư tưởng, có tinh thần cách mạng triệt để; được rèn luyện, có bản lĩnh chính trị; là nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp cách mạng. GCCN có sự gắn kết chắc chắn với nhân dân lao động. **(coi lại) kể ra hết các đặc điểm CN thế giới và VN (video tuần 10)**

Thông qua những đặc điểm về địa vị, kinh tế ở các tầng lớp Việt Nam thì như vậy chỉ có giai cấp công nhân mới đủ sức để lãnh đạo cách mạng Việt Nam .Tóm lại, chỉ có giai cấp công nhân Việt Nam mới đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Chương 3

Câu 1. Chủ nghĩa xã hội là gì? Phân tích đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội? Liên hệ VN. (liên hệ những đặc trưng cơ bản của CNXH ở VN hiện tại bây giờ 2021). Liên hệ trách nhiệm bản thân trong công cuộc xây dựng CNXH của nước ta hiện nay.

**Chủ nghĩa xã hội: được hiểu theo 4 nghĩa*

CNXH là về những trào lưu tư tưởng, lý luận, học thuyết phản ánh :

Thứ nhất, phản ánh về những nhu cầu, nguyện vọng của các giai cấp, tầng lớp lao động bị áp bức.

Thứ hai, phản ánh về con đường, cách thức và phương pháp đấu tranh nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi tư hữu, áp bức, bóc lột, xây dựng một xã hội mới tiến bộ, công bằng, bình đẳng.

CNXH là một chế độ xã hội hiện thực, một mô hình, một kiểu tổ chức xã hội theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua 3 lĩnh vực:

Về kinh tế: Có lực lượng sản xuất phát triển và quan hệ sản xuất tiến bộ

Về chính trị: nhà nước dân chủ, pháp quyền

Về văn hóa- xã hội: Đề cao giá trị con người, thực hiện công bằng, bình đẳng (Đó là các nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô, Đông Âu, Việt Nam, Trung Quốc...)

CNXH còn là một trong 3 bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác- Lê nin (Triết học, KTCT, CNXHKKH)

CNXH là học thuyết nghiên cứu về những điều kiện, con đường giải phóng GCCN và NDLD, dưới sự lãnh đạo của chính đảng macxit nhằm xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng xã hội mới – xã hội XHCN

**Đặc trưng cơ bản:*

- Đặc trưng thứ nhất: Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ sự phân chia giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng bóc lột người.. Nhờ xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa mà xóa bỏ sự đối kháng giai cấp, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, tình trạng nô dịch và áp bức dân tộc, thực hiện được sự công bằng, bình đẳng xã hội.

- Đặc trưng thứ hai: Chủ nghĩa xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội. Xã hội vì con người và do con người, nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Đặc trưng thứ ba là về phương diện kinh tế: Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Chỉ có nền sản xuất công nghiệp hiện đại mới đưa năng suất lao động lên cao, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, đảm bảo đáp ứng những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân. Nền công nghiệp hiện đại đó được phát triển dựa trên lực lượng sản xuất đã phát triển cao.

+ Thủ tiêu chế độ tư hữu là không thể làm lập tức được, chỉ có thể cải tạo xã hội dần dần, và cố gắng tạo nên khối tư liệu cần thiết cho việc cải tạo. Tuy nhiên, không phải xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

+ Chủ nghĩa xã hội từng bước thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Chế độ sở hữu này được củng cố, hoàn thiện, bảo đảm thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xóa bỏ dần những mâu thuẫn đối kháng trong xã hội, làm cho mọi thành viên trong xã hội ngày càng gắn bó với nhau vì những lợi ích căn bản.

- Đặc trưng thứ tư: Chủ nghĩa xã hội có Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động. Chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản. Chính quyền đó là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bóc lột, bòn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Nhân dân lao động tham gia nhiều vào công việc nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý. Nhà nước với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

- Đặc trưng thứ năm: Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa nhân loại. Xuất hiện “văn hóa vô sản” là nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, người cộng sản sẽ làm giàu tri thức của mình bằng tổng hợp các tri thức, văn hóa mà loài người tạo ra do đó phải kế thừa những giá trị văn hóa và văn hóa dân tộc, chống lại những tư tưởng văn hóa phi vô sản.

- Đặc trưng thứ sáu: Chủ nghĩa xã hội đảm bảo bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới. Việc này giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển dân tộc và mỗi quốc gia. Giải quyết vấn đề dân tộc theo Cương lĩnh của Lenin và hợp tác trên cơ sở chính trị-pháp lý. Để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới thì điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới. Những điều này sẽ góp phần tích cực vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Những đặc trưng trên phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội, nói lên tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Và do đó, chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp, lý tưởng, ước mơ của toàn thể nhân loại. Những đặc trưng đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Do đó, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải quan tâm đầy đủ tất cả các đặc trưng này.

Liên hệ đặc trưng cơ bản về CNXH của Việt Nam hiện nay: (làm theo chỉ)

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình CNXH Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

Một là, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, do nhân dân làm chủ.

Ba là, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

Bốn là, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Điểm đặc trưng được bổ sung vào so với hai Đại hội trước đây là đặc trưng số một, dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và đặc trưng số bảy, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ngoài ra đặc trưng số bốn, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đặc trưng này trong Đại hội lần VII, X, XI vẫn được giữ nguyên.

Câu 1.1.Liên hệ trách nhiệm bản thân trong công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay

- Nhận thức đúng đắn về công cuộc xây CNXH, đạt được mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Xây dựng thành công xã hội tốt đẹp, giải phóng con người không còn bất công, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện . Nắm rõ đặc điểm của thời kỳ quá độ, để không bị quan, dao động, mất niềm tin trước luận điệu xuyên tạc. Nắm được quy luật vận động, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Gương mẫu thực hiện, tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tuyệt đối không nghe theo các luận điệu sai trái thù địch; Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, đi ngược với lợi ích quốc gia, dân tộc.
- Không ngừng rèn luyện, hoàn thiện bản thân về tri thức, thể chất và đặc biệt là đạo đức, tác phong; luôn luôn khiêm tốn, bồi dưỡng và học tập không ngừng.Ta phải trau dồi bản thân mỗi ngày, theo kịp với thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nêu cao tinh thần cảnh giác. Chăm chỉ, sáng tạo, học tập, lao động; có mục đích, động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu học tập tốt là yêu nước.
- Nhận thức thuận lợi và khó khăn của Việt Nam khi bước vào thời kì quá độ, để chia sẻ được những khó khăn trở ngại đối với Đảng và Nhà nước từ đó tích cực học tập, đóng góp công sức trí tuệ trong công cuộc xây dựng đất nước tương lai
- Tham gia tích cực vào xây dựng xã hội lành mạnh, tránh xa tệ nạn ở cả môi trường thực và môi trường ảo, hướng tới đúng mục tiêu Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Tích cực tham gia các hoạt động: xây dựng, củng cố, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.
- Tích cực tham gia góp phần xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp khả năng như: tham gia bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo, chống tiêu cực, tham những, tham gia những hoạt động mang tính xã hội như hiến máu tình nguyện, làm tình nguyện viên...

Câu 2. Thời kỳ quá độ là gì ? Làm rõ đặc điểm của thời kỳ quá độ? Trang 57

Thực chất của thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền TBCN và TBCN sang xã hội xã hội chủ nghĩa.

**Thời kỳ quá độ:* Là thời kỳ mà XH có sự đan xen những yếu tố của XH cũ và XH mới trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất- kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội ; là thời kỳ lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội

-Trên lĩnh vực kinh tế:

+ Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.

+Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

-Trên lĩnh vực chính trị:

+ Đây là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Giai cấp công nhân thành giai cấp cầm quyền, thực hiện sự thống trị với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, đấu tranh chống giai cấp tư sản.

+Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

- Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau. Trên lĩnh vực văn hoá cũng tồn tại các yếu tố văn hoá cũ và mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau. Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa- tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

-Trên lĩnh vực xã hội: Cơ cấu nhiều thành phần quy định nên trong thời kỳ quá độ nên còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Thời kỳ này đấu tranh chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền nhà nước, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung, hình thức mới, diễn ra trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, bằng tuyên truyền vận động là chủ yếu, bằng hành chính và luật pháp.

Vì sau nói sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kì quá độ ở nước ta là một tất yếu khách quan? *Chỉ đầy đủ hơn, nhưng mình đã ghi hết của cô đọc, có thể bổ sung thêm*

Trong thời kì quá độ, trình độ của LLSX còn thấp và không đồng đều, từ đó còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau: sở hữu nhà nước, tập thể và tư nhân tương ứng với mỗi hình thức sở hữu là 1 hoặc nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tập thể.

Tiếp theo, các thành phần kinh tế mới và cũ đang xen với nhau: Mới là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, còn cũ là kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Điều này làm cho nền kinh tế của nước ta nhiều thành phần một cách tự nhiên.

Thứ ba, cần phải tạo điều kiện cho các nền kinh tế tồn tại khách quan để góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ công nghiệp hóa hiện đại hóa, là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt cho xây dựng nền kinh tế chủ nghĩa xã hội. Đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong thời kì quá độ nhằm gây dựng cơ sở vật chất trong thời kì quá độ nhằm gây dựng cơ sở vật chất trong thời kì quá độ cho CNXH

Cuối cùng, tạo điều kiện cho các nền kinh tế tồn tại khách quan trong thời kì quá độ để giải quyết vấn đề lao động việc làm, do nước ta đang trong thời kì dân số vàng, nguồn lực lao động dồi dào, cần phải tận dụng để phát triển đất nước.

Câu 3. Thế nào là quá độ bỏ qua tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay? *Phân tích* những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay? Trang 59

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại như trong Đại hội IX năm 2001 của Đảng Cộng sản Việt nam có xác định. (CHI)

Đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở VN hiện nay là:
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/dac-trung-co-ban-cua-xa-hoi-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-theo-tinh-than-dai-hoi-xi-cua-dang-gs-ts-nguyen-864> => **link chính**

Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, ước mơ ngàn đời của loài người, cho nên cũng là mục tiêu phấn đấu của chủ nghĩa xã hội. Đây là đặc trưng tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh...là công bằng, hợp lý, mọi người đều được hưởng quyền tự do, dân chủ, được sống cuộc đời hạnh phúc... Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng phải hướng tới việc hiện thực hóa đầy đủ, đồng bộ hệ mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh. Tư tưởng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đối với dân tộc Việt Nam, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thật sự.

Hai là: Do nhân dân làm chủ.

“Nhân dân làm chủ xã hội” là đặc trưng quan trọng, quyết định nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng này không thể tách rời những yêu cầu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nói dân giàu, nước mạnh chính là thể hiện vai trò chủ thể của nhân dân đối với nhà nước - dân là chủ. “Dân chủ” trong đặc trưng nêu trên chính là nền dân chủ của xã hội - xã hội vận hành theo chế độ và nguyên tắc dân chủ. Và chính nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng thể hiện xã hội “do nhân dân làm chủ”. Để có một xã hội do nhân dân thực sự làm chủ, chúng ta phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để bảo đảm “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải là “công bộc” của nhân dân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ.

Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Để có được một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, điều tiên quyết là xã hội đó phải có một nền kinh tế phát triển. Bởi vì kinh tế là lực lượng vật chất, nguồn sức mạnh nội tại của cơ thể xã hội, nó quyết định sự vững vàng và phát triển

của xã hội. Đến lượt mình, nền kinh tế đó chỉ có thể phát triển dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại. Mác đã khẳng định: chủ nghĩa xã hội chỉ thực hiện được bởi “một nền đại công nghiệp”. Nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, là hiện thân và là yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Với các nội dung và lô-gic vận động như đã luận giải trên, Đảng ta đã tập trung phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trước mắt là hoàn thiện thể chế của nó; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nhằm xây dựng một lực lượng sản xuất hiện đại để có một nền kinh tế phát triển cao - điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững xã hội xã hội chủ nghĩa.

Bốn là: Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hóa là tinh hoa con người và dân tộc, tinh hoa xã hội và thời đại; bởi vậy, nó là sức mạnh con người và dân tộc, sức mạnh xã hội và thời đại. Mỗi nền văn hóa phải kết tinh tinh hoa và sức mạnh thời đại để tiến tới đỉnh cao thời đại, đồng thời phải chuyển hóa chúng thành các giá trị của dân tộc, làm đậm đà thêm bản sắc riêng của mình. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vì vậy, chính là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực và sức mạnh thúc đẩy xã hội đó phát triển

Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Nói đến cùng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình phấn đấu đạt tới những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đều là vì con người. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Nhưng bản tính con người là không bao giờ thỏa mãn với những gì đã đạt được. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội. Điều quan trọng hơn là nó được thăng hoa tiềm năng trí tuệ, tình cảm và năng lực vốn có để thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình. Sự phát triển toàn diện con người là ước mơ, khát vọng của con người tự do. Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người...

Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Đặc trưng này đòi hỏi những yếu tố thiết yếu cho sự tồn tại bền vững của xã hội lành mạnh. Một đòi hỏi quan trọng của xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ

cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia. ở Chí Minh đã khái quát một chân lý: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công. Đồng thời đây cũng là một giá trị đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. “Bình đẳng” và “đoàn kết” chính là nền tảng của sự “tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc; là một tiêu chuẩn quan trọng của xã hội phát triển. Đoàn kết toàn dân, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc đã làm nên thành công của cách mạng Việt Nam. Và giờ đây, tinh thần đó, phương châm đó đang là những nét đặc sắc của giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bảy là: Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân không thể nào khác là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng mang bản chất, lý tưởng, nội dung xã hội chủ nghĩa, là đảng thực hiện mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa

Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Mỗi quốc gia là một bộ phận hợp thành cộng đồng quốc tế. Sự phát triển quốc gia xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ có được khi đẩy mạnh “quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Quan hệ hữu nghị và hợp tác chính là thể hiện bản chất hòa hảo, thiện chí và tạo điều kiện cho các quốc gia hội nhập, tiếp thu những thành quả phát triển của mỗi bên, tích lũy kinh nghiệm và rút ngắn quá trình phát triển của mỗi nước. Điều có ý nghĩa lớn lao hơn là ở chỗ, “hữu nghị”, “hợp tác”, “phát triển” chính là bản chất, là khát vọng hòa đồng theo bản chất trí tuệ và tình cảm nhân văn cao cả có tính nhân loại của con người, của loài người; điều thể hiện bản chất cao đẹp nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Điểm đặc trưng được bổ sung vào so với hai Đại hội trước đây là đặc trưng số một, dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và đặc trưng số bảy, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ngoài ra đặc trưng số bốn, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đặc trưng này trong Đại hội lần VII, X, XI vẫn được giữ nguyên.

Chương 4- DÂN CHỦ XHCN

Câu 1. Dân chủ là gì (khái niệm trong giáo trình 70) ? Dân chủ xã hội chủ nghĩa là gì? Phân biệt sự khác nhau về chất giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản(slide 16) ?

Trình bày Quan niệm về dân chủ =>> Nêu slide 4 là đủ ý

Dân chủ một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội nhân loại.

Dân chủ XHCN là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ có trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Sự khác biệt về chất giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản:(Chỉ đầy đủ hơn)

Nền dân chủ tư sản có nhiều điểm tiến bộ: đã xóa bỏ được quan hệ phong kiến phản động, chuyển từ nhà nước quân chủ PK sang Nhà nước pháp quyền tư sản; từ XH thần dân sang XH công dân, tạo động lực cho PT.

XD nhà nước pháp quyền tư sản: tam quyền phân lập. Quản lý xã hội bằng pháp luật. Hệ thống PL chặt chẽ; văn hoá pháp luật của người dân cao

Thừa nhận về luật pháp những quyền cơ bản của con người: tự do, bình đẳng, quyền bầu cử, ứng cử của công dân. Các cơ quan Nhà nước do dân bầu ra.

Tuy nhiên nền dân chủ tư sản tồn tại rất nhiều hạn chế: quyền lực về kinh tế và chính trị thuộc về gia cấp tư sản, GCTS nắm quyền hành pháp và lập pháp ; đa Đảng nhưng nhất nguyên, quyền lực nằm trong tay GCTS để bảo vệ chế độ tư hữu; cho vận động hành lan mua phiếu bầu và biểu tình cũng theo khuôn khổ của pháp luật; một số vấn đề xã hội của các nước tư bản: phân hóa giàu nghèo, khủng bố, gây chiến tranh, bạo lực.

Năm 1917, nền dân chủ XHCN ra đời, Lênin đã khẳng định nền dân chủ vô sản hơn gấp triệu lần nền dân chủ tư sản “Chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần, chính quyền Xô viết so với các cộng hòa tư sản dân chủ nhất, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần”(V.I.Lenin: Toàn tập, Sđd, tr313). Cụ thể về bản chất của dân chủ XHCN đó là:

- Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa: Bản chất là thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, dân tộc, giải phóng con người một cách triệt để, toàn diện. Là nền dân chủ mang bản chất của giai cấp công nhân đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

Coi lại giáo trình 74

+ Về chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhất nguyên về chính trị; mang bản chất giai cấp công nhân; thừa nhận chủ thể quyền lực của nhà nước là nhân dân (nhân dân

xây dựng nhà nước).Thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (thống nhất và phân công giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp);

+ Về kinh tế, dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên cơ sở kinh tế là công hữu hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu. Sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc về nhân dân thông qua nhà nước. Tổ chức quản lý của những người lao động. Chủ thể phát triển lực lượng sản xuất và thụ hưởng lợi ích là nhân dân, phân phối theo lao động là chủ yếu; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng lực lượng sản xuất khỏi sự kiềm kẹp của quan hệ sản xuất.

+ Về bản chất tư tưởng văn hóa xã hội: có hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội là chủ nghĩa Mác-Lê nin. Con người được giải phóng triệt để và phát triển toàn diện. Nền văn hóa do nhân dân và phục vụ nhân dân, nhân dân được làm chủ giá trị tinh thần; xóa bỏ áp bức dân tộc.

((Bản chất nền dân chủ tư sản: dân chủ tư sản ra đời là một bước tiến lớn trong lịch sử, nó đã xóa bỏ chế độ chuyên chế phong kiến, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

+ Chính trị : Mang bản chất của giai cấp tư sản, lợi ích của giai cấp tư sản đối lập với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phục vụ cho thiểu số. Dân chủ tư sản do các đảng của giai cấp tư sản lãnh đạo, đa đảng về chính trị. Thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền tư sản (tam quyền phân lập).

+ Về kinh tế : Dân chủ tư sản được thực hiện trên cơ sở kinh tế là chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đó là chế độ áp bức bóc lột. Tổ chức quản lý nằm trong tay thiểu số, phân phối theo quyền sở hữu tư liệu sản xuất; tồn tại mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa tư sản và vô sản.

+ Về tư tưởng văn hóa xã hội : hệ tư tưởng của chủ nghĩa tư bản là chủ đạo ; sử dụng văn hóa, tôn giáo như một công cụ để chi phối đời sống tinh thần xã hội.))

Câu. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là gì ?(trang 76).Trình bày bản chất của xã hội chủ nghĩa. Trong gt 76

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa.

So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

-Về chính trị: mang bản chất của GCCN, giai cấp có lợi ích phù hợp với nhân dân lao động. Sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

-Về kinh tế: chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất là chủ yếu. Do đó không còn tồn tại quan hệ bóc lột. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

-Về văn hóa, xã hội: được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mac- Lê nin và những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại, nhưng vẫn mang bản chất riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng.

Câu. Trình bày những thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng nền dân chủ (xã hội chủ nghĩa) ở nước ta hiện nay? Có nổi ý

Từ khi ra đời cho đến nay, việc xây dựng nền dân chủ ở nước ta đã gặt hái được nhiều thành tựu:

-Về chính trị:

Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân

Nhân dân ngày càng tham gia nhiều hơn vào công việc của nhà nước, xã hội

Hệ thống pháp luật có xu hướng hoàn thiện

◀ Các thiết chế thực hiện và bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được củng cố và bổ sung các chức năng mới

Đảng Cộng sản giữ vững vai trò lãnh đạo NN và toàn XH

-Về kinh tế:

Thể chế kinh tế từng bước được hoàn thiện vì lợi ích của đa số nhân dân;

Từng bước hình thành cơ chế kinh tế, mà ở đó mọi người lao động đều được tham gia vào sở hữu, quản lý dưới nhiều hình thức khác nhau;

Quyền tự do, chủ động của người dân trong kinh doanh, sản xuất ngày càng được đảm bảo

-Về xã hội:

Quyền con người được mở rộng, được đảm bảo bằng pháp luật và được thực hiện trên thực tế (giáo dục, y tế, việc làm, ngôn luận, tôn giáo...)

Sự khác biệt giữa vùng miền về trình độ phát triển được khắc phục từng bước;

Hệ thống an sinh xã hội, chính sách xã hội... được tăng cường

An ninh, trật tự, an toàn XH về cơ bản được đảm bảo

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn tồn tại không ít những hạn chế:

Sự hiểu biết về DCTS, DCXHCN còn hạn chế (Dân chủ và đa nguyên, đa đảng)

Tình trạng quan liêu, mất DC, vi phạm DC diễn ra khá phổ biến

“Tham nhũng”, “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ”, “hoàng hôn nhiệm kỳ”, “gia đình trị”... có xu hướng gia tăng

Cơ chế thực hiện dân chủ chưa được hoàn thiện (dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện)

Thiết chế pháp luật chưa hoàn thiện (HTCT)

Hệ thống pháp luật, thực hiện luật... thiếu, yếu;

Văn hoá pháp luật của nhân dân thấp

Tình trạng dân chủ quá trớn, cực đoan diễn ra cũng không ít

Tình trạng nhân dân thờ ơ với chính trị

Tư tưởng địa phương chủ nghĩa, làm chủ kiểu “dòng họ” xuất hiện và lan rộng

Điều kiện đảm bảo để thực hiện quyền dân chủ của người dân (dân sinh, dân trí, dân khí, dân quyền...) còn hạn chế

Do vậy, xây dựng hoàn thiện và thực hiện nền DCXHCN ở nước ta là nhiệm vụ vừa cơ bản vừa lâu dài

Câu 2. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?

Coi

lại

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ.

Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm... Nội dung này được hiểu là:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Cơ chế thực hiện dân chủ: trực tiếp là trưng cầu dân ý và gián tiếp thông qua đại diện của nhân dân.

Thiết lập thực hiện dân chủ thông qua nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Do ĐCS lãnh đạo và thực hiện nhất nguyên chính trị.

Câu 3. Nhà nước pháp quyền là gì- 84? Trình bày đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay-85?

***Nhà nước pháp quyền:** là một kiểu nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

***Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay:**

- Xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “ Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; “ nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.
- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Chương 5

Câu 1. Cơ cấu xã hội giai cấp là gì(cũng là giải thích cho tầm quan trọng của CCXH-GC) ?

Trong thời kỳ quá độ, vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp?(cũng là tính tất yếu của liên minh giai cấp/ cũng là mục đích của liên minh giai cấp)

Trang 93 : <https://sites.google.com/site/drcongcuu/cau-25>

**Cơ cấu xã hội giai cấp* : Là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

**Liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa vì:* nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên”

của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài đơn ca ai điều”.

-Theo góc độ kinh tế, nội dung liên minh kinh tế là quan trọng nhất:

+ Từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến liên minh được hình thành. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa các giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

+ Việc hình thành khối liên minh công – nông – trí thức cũng có một số biểu hiện mới phức tạp : bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Do vậy, để không ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh phải phù hợp giải quyết mâu thuẫn, chú ý thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của công, nông, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động. Đặc biệt là chú trọng lợi ích kinh tế.

-Theo góc độ chính trị:

+ Chính từ cuộc đấu tranh giai cấp, mỗi giai cấp khi đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh để có cho mình những lợi ích phù hợp, để có thể tập hợp lực lượng tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để phát huy sức mạnh tổng hợp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

+ Khối liên minh do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản, nhằm thiết lập và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa

+Liên minh để tạo nền tảng cơ sở xã hội của chế độ nhằm thực hiện đoàn kết toàn dân

Câu 3. Vì sao có sự xuất hiện các nhóm Xã hội mới ở nước ta trong thời kì quá độ (2 là trang 192):

Thứ nhất, trong thời kỳ quá độ có sự đan xen những yếu tố cũ và mới.(trang 192)

Thứ hai, về kinh tế, trong thời kỳ quá độ còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần do tồn tại nhiều hình thức sở hữu (bổ sung thêm ở trang 192)

Thứ ba, do yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và các lĩnh vực khác trong thời kỳ quá độ, Đảng và nhà nước ta cần phải phát huy vai trò của các nhóm xã hội mới, khẳng định sự đóng góp của họ cho sự phát triển chung nhằm khai thác nguồn nội lực về vốn, sức lực, trí tuệ...cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 2. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.

Giai cấp công nhân:

+ Vai trò quan trọng đặc biệt: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

+ Giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; là lực lượng đi đầu của quá trình phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa

-Giai cấp nông dân:

+ Họ là lực lượng giữ vai trò quan trọng trực tiếp: là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp.

+Giữ vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế- xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Là lực lượng giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

-Đội ngũ trí thức:

+ Vai trò quan trọng: là lực lượng sáng tạo đặc biệt trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

+Giữ vị trí nòng cốt trong sáng tạo và truyền bá tri thức: xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị

-Đội ngũ doanh nhân:

+Vai trò không ngừng tăng lên theo sự phát triển ở Việt Nam: là lực lượng đi đầu, là chiến sĩ tiên phong trong mặt trận kinh tế; được Đảng ta xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh về số lượng và quy mô với tiềm lực kinh tế lớn

+Giữ vị trí chiến lược trong việc phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, khi xây dựng đội ngũ kinh doanh vững mạnh, có năng lực, trình độ, phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế

- *Phụ nữ* là một lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội và đóng góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trong gia đình. Ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào, phụ nữ cũng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Đội ngũ thanh niên* là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có trách nhiệm với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chương 6

Câu 1. Dân tộc là gì? Trình bày nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lê nin? Làm thế nào để khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển của các dân tộc ở nước ta hiện nay?

Dân tộc là cộng đồng dân cư cùng sinh sống trên một lãnh thổ ổn định, lâu dài, không bị chia cắt; Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế ; có sự quản lý của một nhà nước với một chế độ chính trị và một mô hình chính thể nhất định ; có chung ngôn ngữ, nét tâm lý và yếu tố văn hóa tạo thành bản sắc riêng của dân tộc đó.

V.I.Lênin đã khái quát cương lĩnh dân tộc như sau: “ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân

tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lí, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn – cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các dân tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa đế quốc chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Tóm lại: “Cương lĩnh dân tộc” của chủ nghĩa Mác – Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của Đảng Cộng Sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Làm thế nào để khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển của các dân tộc ở nước ta hiện nay?

Ta cần phải thực hiện đồng bộ các chính sách của Đảng và nhà nước về vấn đề quốc gia dân tộc trên tất cả các lĩnh vực như : kinh tế , chính trị , văn hóa xã hội,...Trong đó tập trung phát triển chính sách về kinh tế :

- Ta phải phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng đồng bào. Khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng khu vực, khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế. Xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách hỗ trợ, cho vay vốn, hỗ trợ về kho học kĩ thuật,... Hỗ trợ, tạo điều kiện cho những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS và miền núi được hưởng thụ những thành tựu của sự phát triển do công cuộc đổi mới đem lại.

- Nâng cao nhận thức, hiệu quả công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động đồng bào tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc. Tuyên truyền, giáo dục, vận động và tổ chức đồng bào tích cực, chủ động tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên thoát nghèo, nhanh chóng hội nhập với sự phát triển chung của đất nước.

- Cần quan tâm đến chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe đồng bào. Thành lập Học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên bảo đảm nguồn lực cho thực hiện các chính sách phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói, giảm nghèo được ban hành. Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn , tránh đầu tư dàn trải, lãng phí. Thực hiện nghiêm chỉnh việc phân cấp cho cơ sở, công khai các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư,... để đồng bào biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.

Vì sao vấn đề dân tộc và tôn giáo của các quốc gia trên thế giới được xem là vấn đề nhạy cảm?

Chung thì không lái sang Việt Nam

Thứ nhất, vấn đề dân tộc tôn giáo là yếu tố bên trong của mỗi quốc gia dân tộc, sự đoàn kết giữa các tộc người trong dân tộc và sự bình đẳng về việc giải quyết vấn đề tôn giáo sẽ tạo điều kiện cho dân tộc quốc gia đó khai thác được sức mạnh nội sinh, nguồn lực bên trong để phát triển. Ngược lại, nội bộ mất đoàn kết, vấn đề dân tộc, tôn giáo phức tạp, mâu thuẫn triền miên thì môi trường trong nước không ổn định, sự không ổn định về xã hội sẽ tác động đến yếu tố chính trị và đời sống kinh tế của quốc gia.

Thứ hai, các thế lực chống phá thường lợi dụng vấn đề về dân tộc tôn giáo để gây chia rẽ, bất ổn với một quốc gia khác; lợi dụng vấn đề về dân chủ, nhân quyền để tác động, dục giây, lợi dụng sự khác biệt giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo để chống phá, làm suy yếu sức mạng của một dân tộc.

Nếu Ở Việt Nam hiện nay từ khi có Đảng ra đời,

Những thành tựu của việc thực hiện công tác dân tộc xuất phát từ yếu tố truyền thống của dân tộc một phần: không có xung đột, mâu thuẫn về dân tộc, chung sống hòa bình với nhau. Không có chiến tranh xung đột bắt nguồn từ những mâu thuẫn về dân tộc.

Ở Việt Nam không có xung đột về tôn giáo, các tôn giáo chung sống hòa bình, bình đẳng, không tôn xưng một tôn giáo nào là quốc giáo.

Câu 3. Tôn giáo là gì? Trình bày các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? (NẾU THÊM CHỮ VIỆT NAM CŨNG TRẢ LỜI Ở PHẦN NÀY) riêng câu này CHUNG và VN là 1

**Khái niệm:* Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ứng hư ảo hiện thực khách quan; là một hiện tượng xã hội- văn hóa, giá trị do con người sáng tạo ra, mang lại giá trị cho con người, thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người.

**Nguyên tắc:*

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân
- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo
- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

Chương 7

Câu 1. GD là gì? Vì sao nói gia đình là tế bào của xã hội / gia đình là tổ ấm / là câu nói của gia đình và xã hội? Thế nào là gia đình tiến bộ, hạnh phúc (slide b giải thích cho tiên bộ) ...?

- Khái niệm (giáo trình hoặc slide 6): *Gia đình* là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình vì mục tiêu xây dựng gia đình bền vững.

- Gia đình là tế bào xã hội (Là làm rõ vị trí của gia đình): Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội.

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. không có

gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "... nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình".

-Gia đình hạnh phúc: là gia đình có thể thỏa mãn đáp ứng dc nhu cầu vật chất và tinh thần cho các thành viên trong gia đình

+ Về vật chất: gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất của các thành viên trong gia đình; các thành viên được học tập, ăn mặc và đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu về vật chất khác của cuộc sống.

+Về tinh thần: gia đình hòa thuận, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau; được đáp ứng đủ nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần; là chỗ dựa tinh thần cho nhau, các thành viên tự do và bình đẳng với sở thích, đam mê, mong muốn của mình.

Gia đình tiến bộ: là gia đình được xây dựng dựa trên nguyên tắc hôn nhân tự nguyện xuất phát từ tình yêu nam và nữ, không bị ép buộc; hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng và hôn nhân được bảo đảm về pháp lý.

2. Phân tích cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ? (được dùng phần tóm tắt)

- Cơ sở kinh tế - xã hội : Sự phát triển của LLSX và tương ứng với trình độ của LLSX là QHSX mới, mà cốt lõi là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất.

- Cơ sở chính trị - xã hội : Thiết lập chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.(nói thêm dc mối liên hệ)(dựa vào tài liệu học). nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ ; xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình cùng hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội,...

- Cơ sở văn hóa:

+ Những giá trị văn hóa của gia đình truyền thống.

+ Những giá trị văn hóa mới được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân.

+ Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ.

-Chế độ hôn nhân tiến bộ:

- + Hôn nhân tự nguyện (xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ)
- + Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- + Hôn nhân được đảm bảo về mặt pháp lý.

3. GD Việt Nam hiện nay có sự biến đổi như thế nào?

+ Trình bày trước đây : gia đình lớn tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống ; văn hóa nông nghiệp nên phải có con, càng đông càng tốt và coi trọng con trai nối dõi ; kinh tế tự cấp tự túc, sản xuất đáp ứng nhu cầu gia đình ; giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội, đạo đức được đặc lên rất cao, bị ràng buộc bởi các mối quan hệ trách nhiệm, nghĩa vụ; đa phần là đàn ông làm chủ,

+ Hiện nay do sự nhận thức về gia đình, quyền người phụ nữ dc đề cao:

Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình.

Quy mô gia đình ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra

Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống.

Biến đổi về thực hiện các chức năng của gia đình.

Chức năng tái sản xuất ra con người được tiến hành một cách chủ động.

Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.

Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa.

Thứ hai từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).

Đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên.

Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.

Thỏa mãn nhu cầu tâm, sinh lý, duy trì tình cảm gia đình là yếu tố quyết định sự bền vững của gia đình.

Biến đổi về quan hệ gia đình.

Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng

Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình.

Nguyễn Trọng Tĩnh